

3157	102	Lê Tiến Thắng	02/08/1960		272252108	ấp 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3158	103	Lê Văn An	25/09/1982			ấp Bàu Phụng	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3159	104	Lê Văn Muối	01/01/1963			Cây Cây	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3160	105	Lê Văn Phe	01/01/1953		272251617	ấp 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
3161	106	Lê Vinh Duân	01/01/1936		270773491	Lý Lịch 02	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3162	107	Lê Xuân Toàn	01/09/2002			ấp Cây Cây	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3163	108	Lữ Thị Nhập		01/01/1937	270529470	Lý lịch 02	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3164	109	Lữ Trần Minh Châu		21/10/2013		Tổ 06, ấp 02	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3165	110	Lưu Mạnh Cường	29/12/2017			Tổ 03- ấp Bình Chánh	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
3166	111	Lý A Cầu	10/10/1938		270492209	ấp Cây Cây	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3167	112	Lý Thái Duy	07/10/2011			ấp Lý Lịch 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3168	113	Lý Văn Lộc	01/01/1964		260501736	ấp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3169	114	Mai Đức Thịnh	01/01/1940			ấp Bình Chánh	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	600	Đã nhận 900.000đ vé số
3170	115	Mai Thị Gọn		01/01/1989		Áp 3	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3171	116	Mai Thị Mỹ Quyen		01/06/1990	271977670	Lý Lịch 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3172	117	Mai Thị Thuýn		01/01/1926	272362199	Lý Lịch 1	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3173	118	Ngô Đình Quế	01/01/1966			ấp 3	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3174	119	Ngô Hà Minh Phước	22/03/2004			ấp Cây Cây	Khoản 2, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3175	120	Ngô Thị Bát		01/01/1939		ấp 3	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3176	121	Ngô Thị Nhủ		09/07/1939	276049501	ấp 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3177	122	Ngô Thị Thùy		01/01/1957	272252179	ấp Cây Cây	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3178	123	Ngô Thị Tố Nga		13/07/1958	272252546	ấp 3	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3179	124	Ngô Văn Quyết	01/01/1933			ấp 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3180	125	Ngô Văn Tư	02/03/1947			ấp LL1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3181	126	Nguyễn Bá Phước	11/01/1984		351803807	Bình Chánh	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3182	127	Nguyễn Bá Tú	03/07/1998			Tổ 07 - ấp Cây Cây	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3183	128	Nguyễn Chi Hiếu	28/08/2004			ấp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	

3184	129	Nguyễn Đăng Khoa	01/01/1997				ấp 3	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500
3185	130	Nguyễn Đình Chiến	03/02/1991		272220499		ấp LL2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500
3186	131	Nguyễn Đình Dân	01/01/1928				ấp 04	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500
3187	132	Nguyễn Đức Hiền	14/07/1986		271727621		ấp 4	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500
3188	133	Nguyễn Đức Mai	01/01/1931				Lý lịch 1	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
3189	134	Nguyễn Đức Tiến	01/01/1985				Lý lịch 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500
3190	135	Nguyễn Hoàng Ân	15/05/1960				ấp Lý Lịch 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500
3191	136	Nguyễn Hoàng Bảo Khang	19/10/2010				ấp 02	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500
3192	137	Nguyễn Hoàng Khánh Linh		14/07/1996	272142234		ấp LL2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500
3193	138	Nguyễn Hồng Sang	01/01/1960		272277736		tổ 6, ấp Cây Cày	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500
3194	139	Nguyễn Hữu Năm		05/09/1992			ấp 01	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500
3195	140	Nguyễn Hữu Phước	01/01/2002				ấp Lý Lịch 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500
3196	141	Nguyễn Minh Hùng	01/01/1965		272251803		ấp LL2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500
3197	142	Nguyễn Minh Nhật	01/01/1997				Lý lịch 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500
3198	143	Nguyễn Ngọc Khánh Ly		02/05/2013			ấp 02	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500
3199	144	Nguyễn Như Trường An	01/01/1984		271783449		ấp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500
3200	145	Nguyễn Quang	01/01/1934				Tổ 7, lý lịch 1	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
3201	146	Nguyễn Quốc Đạt	01/01/1937		272252307		Lý Lịch 02	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
3202	147	Nguyễn Quốc Huy	22/12/1999				Tổ 05, ấp 04	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500
3203	148	Nguyễn Tạo	01/01/1931		270455235		Lý lịch 1	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
3204	149	Nguyễn Thái Hùng	26/03/2004				tổ 5, ấp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500
3205	150	Nguyễn Thành Danh	01/01/1927		300341830		Tổ 9, ấp 4	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
3206	151	Nguyễn Thành Tài	17/05/2007				ấp LL2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500
3207	152	Nguyễn Thanh Tùng	04/01/1989		272252138		ấp LL1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500
3208	153	Nguyễn Thị Bảy		01/01/1938			ấp 4	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
3209	154	Nguyễn Thị Bé		01/01/1940	270494007		ấp 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
3210	155	Nguyễn Thị Biên		01/01/1927			ấp 4	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500

3211	156	Nguyễn Thị Bon		01/01/1937	272515314	Tổ 04, ấp 01 -	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3212	157	Nguyễn Thị Cấp		20/02/1933	272251799	Bàu Phụng	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3213	158	Nguyễn Thị Chính		15/08/1954	270455761	ấp LL2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	600	Đã nhận 900.000đ vé số
3214	159	Nguyễn Thị Dân		01/01/1984	272441882	ấp Bàu Phụng	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3215	160	Nguyễn Thị Diệu	01/01/1955			ấp Lý Lịch 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
3216	161	Nguyễn Thị Độ		01/01/1940		ấp Bình Chánh	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3217	162	Nguyễn Thị Dung		01/01/1939		ấp Lý lịch 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3218	163	Nguyễn Thị Giúp		01/01/1936	272252462	Tổ 04 - ấp 04	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3219	164	Nguyễn Thị Hào		01/01/1938		ấp 03	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3220	165	Nguyễn Thị Hạt		01/01/1922		Lý lịch 1	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3221	166	Nguyễn Thị Hiệp		01/01/1939		ấp Bàu Phụng	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3222	167	Nguyễn Thị Hiệu		01/01/1933		ấp 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3223	168	Nguyễn Thị Hoa		12/12/1979	272251627	ấp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3224	169	Nguyễn Thị Hoa		01/01/1930	272251627	Tổ 3, Lý Lịch 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3225	170	Nguyễn Thị Hoài		01/01/1940		ấp 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3226	171	Nguyễn Thị Hồng		01/01/1964	271734951	ấp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3227	172	Nguyễn Thị Hồng Hoa		01/01/1932		ấp 1	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3228	173	Nguyễn Thị Hương	01/01/1992			ấp 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3229	174	Nguyễn Thị Kha		01/01/1936	272739542	ấp 4	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3230	175	Nguyễn Thị Kim Loan	14/10/2009			ấp Cây Cầy	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3231	176	Nguyễn Thị Lá		01/01/1933		ấp 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3232	177	Nguyễn Thị Lan		01/01/1930		tổ 2, ấp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3233	178	Nguyễn Thị Lan		01/01/1930		ấp 3	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3234	179	Nguyễn Thị Lê Giang		01/01/1995		Lý lịch 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3235	180	Nguyễn Thị Lịch		01/01/1935		Lý lịch 1	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3236	181	Nguyễn Thị Linh		01/01/1933		ấp 4	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3237	182	Nguyễn Thị Lộc		01/01/1958	270455547	Lý Lịch 02	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	

3238	183	Nguyễn Thị Mây		01/01/1924			ấp 1	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
3239	184	Nguyễn Thị Meo		12/12/1935	272252099		Tổ 06, ấp 01	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
3240	185	Nguyễn Thị Mười		01/09/1938	272654074		ấp Cây Cày	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
3241	186	Nguyễn Thị Năm		01/01/1951	272873704		ấp 4	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	750	1.500	
3242	187	Nguyễn Thị Ngải	01/01/1941				ấp LL2	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
3243	188	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		15/07/1943			ấp 4	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
3244	189	Nguyễn Thị Ngọc Hương		01/01/1993			Bình Chánh	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
3245	190	Nguyễn Thị Nguyệt		01/01/1939	272252256		ấp 4	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
3246	191	Nguyễn Thị Nhẹ		01/01/1933			ấp 4	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
3247	192	Nguyễn Thị Oanh		01/01/1951	272105892		ấp 4	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
3248	193	Nguyễn Thị Phương		01/01/1992			Bình Chánh	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
3249	194	Nguyễn Thị Quân		01/01/1932	330678487		LL 1	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
3250	195	Nguyễn Thị Sạch		01/01/1934			Tổ 5, ấp 1	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
3251	196	Nguyễn Thị Sen		01/01/1935	272441612		ấp Bình Chánh	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
3252	197	Nguyễn Thị Soán		01/01/1930			ấp 1	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
3253	198	Nguyễn Thị Tăng		01/01/1929			ấp 4	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
3254	199	Nguyễn Thị Thắm		01/01/1937	272873281		ấp 04	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
3255	200	Nguyễn Thị Thanh		14/04/1952	271925886		ấp Bình Chánh	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
3256	201	Nguyễn Thị Thanh Tuyền		09/07/2006			ấp 3	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
3257	202	Nguyễn Thị Thảo		01/01/1938			ấp 03	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
3258	203	Nguyễn Thị Thúy An		21/11/2009			ấp 02	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	750	1.500	
3259	204	Nguyễn Thị Thúy Hằng		01/01/1975			ấp Cây Cày	Khoản 4, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
3260	205	Nguyễn Thị Thúy Nhi		25/02/1994	272362195		ấp Bàu Phụng	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
3261	206	Nguyễn Thị Tín		01/01/1937	270599005		Tổ 04; ấp 04	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
3262	207	Nguyễn Thị Tín	01/01/1937		270599005		Tổ 06 - ấp 04	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
3263	208	Nguyễn Thị Tín		10/10/1935			Tổ 03, ấp 04	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
3264	209	Nguyễn Thị Trâm		01/01/1947			Tổ 01 - Cây Cày	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	

3265	210	Nguyễn Thị Trí		01/01/1931		ấp 02	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3266	211	Nguyễn Thị Tư		21/09/1937	272252589	Tổ 02, ấp 04	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3267	212	Nguyễn Thị Từ		01/01/1935	272751036	Lý lịch 1	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3268	213	Nguyễn Thị Tuyết Trinh		01/01/1936		ấp Lý Lịch 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	500	Chết T4/2020
3269	214	Nguyễn Thị Xin		01/01/1966	272325114	ấp 4	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3270	215	Nguyễn Thị Xuân		01/01/1932		ấp 3	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3271	216	Nguyễn Thiện Nhân	24/07/2011			ấp Bầu Phụng	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3272	217	Nguyễn Trọng Giáp	01/01/1930			ấp 4	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3273	218	Nguyễn Trung Hiếu	15/09/2004		271455269	ấp LL2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3274	219	Nguyễn Trung Hưng	24/02/1998			ấp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3275	220	Nguyễn Trung Huy	10/04/1983		271734403	ấp LL2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3276	221	Nguyễn Văn Ất		25/08/1934	270478355	tổ 6, ấp 1-	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3277	222	Nguyễn Văn Bảo	01/01/1930			Cây Cây	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3278	223	Nguyễn Văn Bền	01/01/1936		340182229	ấp 02	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3279	224	Nguyễn Văn Bình	01/01/1939		270429839	ấp Lý lịch 02	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3280	225	Nguyễn Văn Can	01/01/1965			ấp Lý lịch 02	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3281	226	Nguyễn Văn Chư	01/01/1934			ấp Lý Lịch 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3282	227	Nguyễn Văn Chúc	01/01/1938			Tổ 01, Lý lịch 01	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3283	228	Nguyễn Văn Diệu	01/01/1930			tổ 7,ấp 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3284	229	Nguyễn Văn Đường	12/02/1964		272252081	Tổ 03, ấp 04	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3285	230	Nguyễn Văn Duyệt	20/04/1938			ấp 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3286	231	Nguyễn Văn Gấm	01/01/1932			ấp 4	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3287	232	Nguyễn Văn Hà	01/01/1958		272515959	Lý lịch 02	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3288	233	Nguyễn Văn Hai	01/01/1959			ấp Lý Lịch 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
3289	234	Nguyễn Văn Hồng	01/01/1973		272441551	ấp Cây Cây	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3290	235	Nguyễn Văn Hồng	01/01/1925		272441551	Cây cây	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3291	236	Nguyễn Văn Khanh	01/01/1958		270500409	ấp Lý Lịch 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	

3292	237	Nguyễn Văn Lành	01/01/1970		271024104	áp 03	Khoản 3, Điều 5, NĐ 136	450	1.500
3293	238	Nguyễn Văn Như	01/01/1936			áp Lý Lịch 1	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
3294	239	Nguyễn Văn Nhung	01/01/1938		270564001	áp Lý Lịch 2	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
3295	240	Nguyễn Văn Nhuyễn	01/01/1930			áp 4	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
3296	241	Nguyễn Văn Phương	01/01/1930			áp 3	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
3297	242	Nguyễn Văn Quế	01/01/1936			Tổ 05, áp 04	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
3298	243	Nguyễn Văn Sương	12/09/1984		272873243	áp Bình Chánh	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500
3299	244	Nguyễn Văn Tài	01/01/1930			áp 3	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
3300	245	Nguyễn Văn Tài	01/01/2001			áp 4	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500
3301	246	Nguyễn Văn Tâm	01/01/1987			Áp 3	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500
3302	247	Nguyễn Văn Tăng	12/04/1938			áp 4	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
3303	248	Nguyễn Văn Thái	01/11/1967		272105508	áp 3- Lý lịch 1	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500
3304	249	Nguyễn Văn Tú	01/01/1931			Lý lịch 2	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
3305	250	Nguyễn Văn Từ	01/01/1933		271924956	áp 2	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
3306	251	Nguyễn Văn Vô	01/01/1937			tổ 02, áp Lý lịch 01	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
3307	252	Phạm Đặng	01/01/1972		272252083	Tổ 09 - áp 01	Khoản 4, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
3308	253	Phạm Ngọc Anh	01/01/1989		271977848	áp Bình Chánh	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500
3309	254	Phạm Ngọc Hoàng	08/01/2012			áp 2	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
3310	255	Phạm Ngọc Phú	01/01/1987		271727599	Bình Chánh	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500
3311	256	Phạm Thanh Bình	23/04/1998			áp Lý lịch 1	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
3312	257	Phạm Thanh Dũng	01/01/1974			áp LL2	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500
3313	258	Phạm Thanh Nhân	14/12/2004			áp LL2	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
3314	259	Phạm Thị Ánh Nguyệt		01/01/1972	370652628	Áp 3	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500
3315	260	Phạm Thị Gám		01/01/1933	272525711	Cây cày	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
3316	261	Phạm Thị Hoa		01/01/1971		Bầu Phụng	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
3317	262	Phạm Thị Kính		01/01/1936	272220082	Tổ 11, Lý lịch 02	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
3318	263	Phạm Thị Lan	01/01/1960		270779005	tổ 2, áp 1	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500

3319	264	Phạm Thị Linh		01/01/1961		ấp 01	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3320	265	Phạm Thị Ngón		01/01/1933		LL1	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3321	266	Phạm Thị Nhiều		01/01/1940		ấp Cây Cày	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3322	267	Phạm Thị Rô		01/01/1929		ấp Lý Lịch 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
3323	268	Phạm Thị Tào		01/01/1936	270438450	Tổ 06, ấp 04	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3324	269	Phạm Thị Thanh Bình		30/12/1998		ấp Bình Chánh	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3325	270	Phạm Văn Hiệp	01/01/2003			ấp Bình chánh	Khoản 2, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3326	271	Phạm Đình Khanh	05/12/2008			Tổ 03, ấp Cây Cày	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3327	272	Phạm Đình Phúc	01/09/1938		272675252	ấp cây cày	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3328	273	Phạm Đình Phùng	01/01/1958			Lý Lịch 02	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3329	274	Phạm Thị Ba		01/01/1948	270508984	ấp 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
3330	275	Phạm Thị Hồng Lụa		16/03/2007		ấp Cây Cày	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3331	276	Phạm Thị Rạng		01/01/1934	272252406	Tổ 6, Cây cày-	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3332	277	Phạm Thị Sáu		01/01/1931		Lý lịch 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3333	278	Phạm Thị Thu Thương		05/05/2005		ấp Cây Cày	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3334	279	Phạm Trạch	01/01/1932			Lý lịch 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3335	280	Phạm Văn Bé	02/01/1933			Lý lịch 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3336	281	Phạm Văn Đa	01/01/1933			Bình Chánh	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3337	282	Phạm Văn Hoàng	01/01/1964		270814937	ấp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3338	283	Phạm Văn Hương		01/01/1921		Cây Cày	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3339	284	Phạm Văn Sách	01/01/1932		272026858	ấp 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3340	285	Tạ Văn Chung	01/01/1928			ấp 1	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3341	286	Tăng Thị Ngọc Khá		01/01/2005		Lý lịch 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3342	287	Thạch Phôn	01/01/1950			ấp Cây Cày	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3343	288	Thái Thị bầy		03/08/1970	271978326	ấp 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3344	289	Thân Thị Vài		01/01/1938	272654608	ấp 01	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3345	290	Thị Minh Thông		01/01/1985		ấp 03	Khoản 3, Điều 5, ND 136	450	1.500	

3346	291	Tô Đức Khương	01/01/1976				C Cây	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500
3347	292	Trần Hoàng Anh	13/09/1994				áp lý lịch 01	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500
3348	293	Trần Lâm Hoàng Quý	16/01/2005				Tổ 01 - Bàu Phụng	Khoản 1, Điều 5, ND 136	450	1.500
3349	294	Trần Phan Trúc My		01/01/1989	272414069		LL 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500
3350	295	Trần Quang Tiến	03/10/2001				áp 4	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500
3351	296	Trần Thi	04/05/1936		271098371		Tổ 03, Lý lịch 02	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
3352	297	Trần Thị Ánh		01/01/1940			Tổ 10, áp Cây Cây	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
3353	298	Trần Thị Bích Liên		01/01/1972			Bàu Phụng	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500
3354	299	Trần Thị Bình		07/06/1962			áp Cây Cây	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500
3355	300	Trần Thị Đầm		01/01/1930	310524088		áp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500
3356	301	Trần Thị Duyên		22/02/1936	270683438		áp 01	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
3357	302	Trần Thị Giàu		01/01/1936			áp Cây cây	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
3358	303	Trần Thị Lan		01/01/1959	270503695		áp Lý Lịch 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500
3359	304	Trần Thị Loan		14/07/1935	272880929		áp 02	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
3360	305	Trần Thị Tương	01/01/1960				áp Lý Lịch 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500
3361	306	Trần Thị Xý		01/01/1939	200489984		áp 02	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
3362	307	Trần Thiện Đức	01/01/1954				áp 4	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500
3363	308	Trần Văn Lý	01/01/1960		270588662		áp Bình Chánh	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500
3364	309	Trần Văn Phái	01/01/1927		272515317		áp 4	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
3365	310	Trịnh Thị Đức		16/10/1972			áp 4	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500
3366	311	Trịnh Thị Hiến		01/01/1932	170635945		Lý lịch 1	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
3367	312	Trương Chí Khanh	22/10/2010				áp Cây Cây	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500
3368	313	Trương Thị Duyên		01/01/1940	272251873		áp Lý Lịch 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
3369	314	Trương Văn Đạt	01/01/1937		271151669		áp 04	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
3370	315	Văn Ngọc Mỹ Nương		14/07/2010			LL 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500
3371	316	Văn Trung	01/01/1934				Tổ 6, Lý lịch 1	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
3372	317	Võ Hoàng Anh	17/06/1941				tổ 1, áp Cây Cây	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500

3373	318	Võ Ngọc Việt	01/01/1986			LL 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3374	319	Võ Quang Quý	18/08/2002		321783546	ấp Bàu phụng	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3375	320	Võ Thị Bông		20/01/1938		ấp 1	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3376	321	Võ Thị Dê		10/11/1937	270684197	Lý lịch 01	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3377	322	Võ Thị Hồng		01/01/1934	272252420	Tổ 2 Lý lịch 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3378	323	Võ Thị Huệ		01/01/1942		Tổ 06 - Lý lịch 02	Khoản 5, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3379	324	Võ Thị Lịch		01/01/1941		ấp Cây Cày	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3380	325	Võ Thị Mến		05/06/1938		ấp 4	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3381	326	Võ Thị Quỳnh Nga		02/01/2009		Lý lịch 02	Khoản 1, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3382	327	Võ Thị Thủy Hằng	20/02/1989				Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3383	328	Võ Thị Xảo		01/01/1932		ấp 1	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3384	329	Vũ Hữu Bốn	01/01/1939		272277967	ấp 4	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
3385	330	Vũ Ngọc Thảo Vy		19/11/2010		Tổ 03- ấp Bàu phụng	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
3386	331	Vũ Nhật Huy		02/03/2001		ấp Lý Lịch 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3387	332	Vũ Thị Cảnh		01/01/1974		Ấp 4 - Phú Lý	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3388	333	Vũ Thị Huệ	01/12/1975		025162523	ấp Cây Cày	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3389	334	Vũ Thị Khuyên		01/01/1950	272252398	ấp Bình Chánh	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3390	335	Vũ Thị Thảo Nhi		01/01/2007		Bình Chánh	Khoản 1, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3391	336	Vũ Thị Vự		01/01/1961	272252516	ấp 4	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3392	337	Vũ Văn Văng	01/01/1962		271978981	ấp 3	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
3393	338	Vũ Việt Tùy	01/01/1937			ấp Lý lịch 02	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
12	Xã Tân An									
3394	1	Nguyễn Thị Ren		01/01/1948			Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
3395	2	Phan Văn Ngô	01/01/1943		271151302	Ấp 1	Khoản 5 điều 5 ND 137	300	600	Dã nhận 900.000đ vé số
3396	3	Trần Văn Quang	01/01/1948		270362924	Ấp 3	Khoản 5 điều 5 ND 138	300	1.500	
3397	4	Nguyễn Thị Tron		01/01/1948		Ấp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 ND 139	300	1.500	
3398	5	Bồ Văn Di	01/01/1939			Ấp 1	Khoản 5 điều 5 ND 140	300	1.500	

3399	6	Cao Hồng Thanh	01/01/1938		270362833	Áp 1	Khoản 5 điều 5 NĐ 141	300	1.500	
3400	7	Cao Văn Thuận	01/01/1933			Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 NĐ 142	300	1.500	
3401	8	Đặng Thị Mang		01/01/1940	272220422	Áp 2	Khoản 5 điều 5 NĐ 143	300	1.500	
3402	9	Đặng Văn Cừ	01/01/1927		270362756	Áp 3	Khoản 5 điều 5 NĐ 144	300	1.500	
3403	10	Đặng Văn Hường	29/10/1937			Áp Cây Xoài	Khoản 5 điều 5 NĐ 145	300	1.500	
3404	11	Đào Chương	01/01/1937		270375794	Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 NĐ 146	300	1.500	
3405	12	Đào Công Hiền	01/01/1939			Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 NĐ 147	300	1.500	
3406	13	Đinh Thị Luận		01/01/1933		Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 NĐ 148	300	1.500	
3407	14	Đỗ Văn Biền	01/01/1928		270362529	Áp 2	Khoản 5 điều 5 NĐ 149	300	1.500	
3408	15	Đoàn Thị Lầy		01/01/1940	270375493	Áp Bình Trung	Khoản 5 điều 5 NĐ 150	300	1.500	
3409	16	Đoàn Văn Ân	01/01/1928		272362018	Áp 2	Khoản 5 điều 5 NĐ 151	300	1.500	
3410	17	Đoàn Văn Cầu	01/01/1930		270375565	Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 NĐ 152	300	500	Chết T4/2020
3411	18	Đoàn Văn Xinh	15/01/1935		270375721	Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 NĐ 153	300	1.500	
3412	19	Hà Thị Biệt		01/01/1930		Áp Thái An	Khoản 5 điều 5 NĐ 154	300	1.500	
3413	20	Hà Thị Phi		01/01/1935	270375066	Áp Thái An	Khoản 5 điều 5 NĐ 155	300	1.500	
3414	21	Hà Thị Thiếng		01/01/1931		Áp Thái An	Khoản 5 điều 5 NĐ 156	300	1.500	
3415	22	Hà Thị Thuận		24/01/1937	270375136	Áp Thái An	Khoản 5 điều 5 NĐ 157	300	1.500	
3416	23	Hà Thị Vân		01/01/1938	270375179	Áp Thái An	Khoản 5 điều 5 NĐ 158	300	1.500	
3417	24	Hoàng Minh Sừ	15/01/1936		180317691	Áp Cây Xoài	Khoản 5 điều 5 NĐ 159	300	1.500	
3418	25	Huỳnh Kim Lân	06/06/1935		270079277	Áp 2	Khoản 5 điều 5 NĐ 160	300	1.500	
3419	26	Huỳnh Thị Hưng		01/01/1931	270375924	Áp Bình Trung	Khoản 5 điều 5 NĐ 161	300	1.500	
3420	27	Huỳnh Thị Núi		01/01/1939		Áp Cây Xoài	Khoản 5 điều 5 NĐ 162	300	1.500	
3421	28	Huỳnh Thị Vọng		01/01/1939	270375574	Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 NĐ 163	300	1.500	
3422	29	Huỳnh Văn Ban	01/10/1937		270362731	Áp 3	Khoản 5 điều 5 NĐ 164	300	1.500	
3423	30	Huỳnh Văn Hồ	01/10/1940		270362777	Áp 3	Khoản 5 điều 5 NĐ 165	300	1.500	
3424	31	Lâm Thị Nữ		01/01/1939	270420034	Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 NĐ 166	300	1.500	
3425	32	Lê Văn Đua	01/01/1932		270375272	Áp Thái An	Khoản 5 điều 5 NĐ 167	300	1.500	

3426	33	Lê Đại Phước	01/01/1939		270375787	Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 ND 168	300	1.500	
3427	34	Lê Tạo	10/10/1934			Áp 3	Khoản 5 điều 5 ND 169	300	1.500	
3428	35	Lê Thị Bé		01/01/1940	270362581	Áp 2	Khoản 5 điều 5 ND 170	300	1.500	
3429	36	Lê Thị Bi		01/01/1939	270362385	Áp 1	Khoản 5 điều 5 ND 171	300	1.500	
3430	37	Lê Thị Danh		01/01/1940	270362329	Áp 1	Khoản 5 điều 5 ND 172	300	1.500	
3431	38	Lê Thị Định		01/01/1932		Áp 1	Khoản 5 điều 5 ND 173	300	1.500	
3432	39	Lê Thị Hào		01/01/1931	272279792	Áp 2	Khoản 5 điều 5 ND 174	300	1.500	
3433	40	Lê Thị Lân		01/01/1930	270375325	Áp Bình Trung	Khoản 5 điều 5 ND 175	300	1.500	
3434	41	Lê Thị Lành		01/01/1935		Áp Bình Trung	Khoản 5 điều 5 ND 176	300	1.500	
3435	42	Lê Thị Nhàn		01/01/1932		Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 ND 177	300	1.500	
3436	43	Lê Thị Xuân		01/01/1930		Áp 1	Khoản 5 điều 5 ND 178	300	500	Chết T4/2020
3437	44	Lê Văn Lão	01/01/1935		270362153	Áp 1	Khoản 5 điều 5 ND 179	300	1.500	
3438	45	Lương Thị Dầu		12/02/1936	270362883	Áp 3	Khoản 5 điều 5 ND 180	300	1.500	
3439	46	Mai Văn Dầu	01/01/1940		272319132	Áp Cây Xoài	Khoản 5 điều 5 ND 181	300	1.500	
3440	47	Ngô Thị Nhở		01/01/1933	120754300	Áp Cây Xoài	Khoản 5 điều 5 ND 182	300	1.500	
3441	48	Nguyễn Đắc Cẩm	01/01/1926		270282235	Áp 1	Khoản 5 điều 5 ND 183	300	1.500	
3442	49	Nguyễn Thanh Bảy	01/01/1936			Áp Thái An	Khoản 5 điều 5 ND 184	300	1.500	
3443	50	Nguyễn Thị Bé		01/01/1936		Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 ND 185	300	1.500	
3444	51	Nguyễn Thị Bé		01/01/1937		Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 ND 186	300	1.500	
3445	52	Nguyễn Thị Bí		01/01/1940	270368767	Áp Cây Xoài	Khoản 5 điều 5 ND 187	300	1.500	
3446	53	Nguyễn Thị Bông		01/01/1937		Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 ND 188	300	1.500	
3447	54	Nguyễn Thị Cho		01/01/1937	270362639	Áp 2	Khoản 5 điều 5 ND 189	300	1.500	
3448	55	Nguyễn Thị Chơ		01/01/1931	270362348	Áp 1	Khoản 5 điều 5 ND 190	300	1.500	
3449	56	Nguyễn Thị Chuyên		01/01/1940	270375824	Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 ND 191	300	500	Chết T4/2020
3450	57	Nguyễn Thị Còi		01/01/1933		Áp Cây Xoài	Khoản 5 điều 5 ND 192	300	1.500	
3451	58	Nguyễn Thị Dầu		01/01/1930	270375439	Áp Bình Trung	Khoản 5 điều 5 ND 193	300	1.500	
3452	59	Nguyễn Thị Diên		01/01/1934	270362538	Áp 2	Khoản 5 điều 5 ND 194	300	1.500	

3453	60	Nguyễn Thị Hai		01/01/1920		Áp 1	Khoản 5 điều 5 ND 195	300	1.500
3454	61	Nguyễn Thị Huân		01/01/1936	270362187	Áp 1	Khoản 5 điều 5 ND 196	300	1.500
3455	62	Nguyễn Thị Khánh		01/01/1936		Áp Cây Xoài	Khoản 5 điều 5 ND 197	300	1.500
3456	63	Nguyễn Thị Lạc		01/01/1937	270375717	Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 ND 198	300	1.500
3457	64	Nguyễn Thị Lâm		01/01/1929		Áp 1	Khoản 5 điều 5 ND 199	300	1.500
3458	65	Nguyễn Thị Lùng		01/01/1940		Áp 3	Khoản 5 điều 5 ND 200	300	1.500
3459	66	Nguyễn Thị Lý		01/01/1933		Áp 3	Khoản 5 điều 5 ND 201	300	1.500
3460	67	Nguyễn Thị Mạnh		01/01/1927	270362915	Áp Cây Xoài	Khoản 5 điều 5 ND 202	300	1.500
3461	68	Nguyễn Thị Mỹ		01/01/1938	272751037	Áp Cây Xoài	Khoản 5 điều 5 ND 203	300	1.500
3462	69	Nguyễn Thị Nhạn		01/01/1936	270375355	Áp Bình Trung	Khoản 5 điều 5 ND 204	300	1.500
3463	70	Nguyễn Thị Nói		01/01/1937		Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 ND 205	300	1.500
3464	71	Nguyễn Thị Phét		01/01/1937		Áp Thái An	Khoản 5 điều 5 ND 206	300	1.500
3465	72	Nguyễn Thị Sương		01/01/1930	272495068	Áp 3	Khoản 5 điều 5 ND 207	300	1.500
3466	73	Nguyễn Thị Thành		01/01/1927	270375517	Áp Bình Trung	Khoản 5 điều 5 ND 208	300	1.500
3467	74	Nguyễn Thị Thích		01/01/1939	270362383	Áp 1	Khoản 5 điều 5 ND 209	300	1.500
3468	75	Nguyễn Thị Thực		27/03/1937	271432245	Áp Cây Xoài	Khoản 5 điều 5 ND 210	300	1.500
3469	76	Nguyễn Thị Thương		27/03/1940		Áp 3	Khoản 5 điều 5 ND 211	300	1.500
3470	77	Nguyễn Thị Tiễn		27/03/1937	270121178	Áp 2	Khoản 5 điều 5 ND 212	300	1.500
3471	78	Nguyễn Thị Tốt		01/01/1930	270375657	Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 ND 213	300	1.500
3472	79	Nguyễn Thị Tuyết		01/01/1940	272712562	Áp 1	Khoản 5 điều 5 ND 214	300	1.500
3473	80	Nguyễn Thị Tuyết		01/01/1936	272712562	Áp 1	Khoản 5 điều 5 ND 215	300	1.500
3474	81	Nguyễn Văn Chắc	01/01/1927		270375593	Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 ND 216	300	1.500
3475	82	Nguyễn Văn Đặng	01/01/1937		270362851	Áp Cây Xoài	Khoản 5 điều 5 ND 217	300	1.500
3476	83	Nguyễn Văn Đặng	01/01/1940		270362851	Áp 3	Khoản 5 điều 5 ND 218	300	1.500
3477	84	Nguyễn Văn Đức	01/01/1930		270362897	Áp 3	Khoản 5 điều 5 ND 219	300	1.500
3478	85	Nguyễn Văn Dương	01/01/1931		270362110	Áp 1	Khoản 5 điều 5 ND 220	300	1.500
3479	86	Nguyễn Văn Hùm	01/01/1939			Áp 2	Khoản 5 điều 5 ND 221	300	1.500

3480	87	Nguyễn Văn Kha	01/01/1934			Áp 2	Khoản 5 điều 5 ND 222	300	1.500	
3481	88	Nguyễn Văn Lâm	01/01/1940			Áp 1	Khoản 5 điều 5 ND 223	300	1.500	
3482	89	Nguyễn Văn Nga	01/01/1937			Áp Bình Trung	Khoản 5 điều 5 ND 224	300	1.500	
3483	90	Nguyễn Văn Nhân	01/01/1939			Áp Thái An	Khoản 5 điều 5 ND 225	300	1.500	
3484	91	Nguyễn Văn Nhon	01/01/1934			Áp 1	Khoản 5 điều 5 ND 226	300	1.500	
3485	92	Nguyễn Văn Quảng	01/01/1939			Áp Cây Xoài	Khoản 5 điều 5 ND 227	300	1.500	
3486	93	Nguyễn Văn Sinh	04/04/1937			Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 ND 228	300	1.500	
3487	94	Nguyễn Văn Tài	01/01/1940			Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 ND 229	300	1.500	
3488	95	Nguyễn Văn Thôi	01/01/1937			Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 ND 230	300	1.500	
3489	96	Nguyễn Văn Vách	01/01/1938			Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 ND 231	300	1.500	
3490	97	Ôn Chí Cường	01/01/1935			Áp 1	Khoản 5 điều 5 ND 232	300	1.500	
3491	98	Phạm Duy Lương	10/05/1934			Áp Cây Xoài	Khoản 5 điều 5 ND 233	300	1.500	
3492	99	Phạm Thị Cửa		01/01/1932		Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 ND 234	300	1.500	
3493	100	Phạm Thị Dì		01/01/1940		Áp Bình Trung	Khoản 5 điều 5 ND 235	300	1.500	
3494	101	Phạm Thị Hai		01/01/1933		Áp Cây Xoài	Khoản 5 điều 5 ND 236	300	1.500	
3495	102	Phạm Thị Mười		01/01/1938		Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 ND 237	300	1.500	
3496	103	Phạm Thị Sáu		01/01/1940		Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 ND 238	300	1.500	
3497	104	Phạm Văn Ngời	01/01/1929			Áp 3	Khoản 5 điều 5 ND 239	300	1.500	
3498	105	Phạm Văn Sáu	01/01/1937			Áp 3	Khoản 5 điều 5 ND 240	300	1.500	
3499	106	Phan Văn Sắt	01/01/1939			Áp Cây Xoài	Khoản 5 điều 5 ND 241	300	1.500	
3500	107	Phan Văn Trị	01/01/1929			Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 ND 242	300	1.500	
3501	108	Trần Đăng Khoa	01/01/1933			Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 ND 243	300	1.500	
3502	109	Trần Đức Hiệp	01/01/1939			Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 ND 244	300	1.500	
3503	110	Trần Minh Châu	01/01/1932			Áp 2	Khoản 5 điều 5 ND 245	300	1.500	
3504	111	Trần Thị A			01/01/1940	Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 ND 246	300	1.500	
3505	112	Trần Thị Kham			01/01/1936	Áp 3	Khoản 5 điều 5 ND 247	300	1.500	
3506	113	Trần Thị Mên			01/01/1930	Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 ND 248	300	1.500	

3507	114	Trần Thị Nguyên		01/01/1940		Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 ND 249	300	1.500	
3508	115	Trần Thị The		01/01/1938	272220041	Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 ND 250	300	1.500	
3509	116	Trần Thị Út		01/01/1937		Áp 1	Khoản 5 điều 5 ND 251	300	1.500	
3510	117	Trần Văn Chính	01/01/1937		270362178	Áp 1	Khoản 5 điều 5 ND 252	300	1.500	
3511	118	Trần Văn Kinh	01/01/1936		271209648	Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 ND 253	300	1.500	
3512	119	Trần Văn Tầu	01/01/1924		270362138	Áp 1	Khoản 5 điều 5 ND 254	300	1.500	
3513	120	Trần Văn Thao	01/01/1940		270375571	Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 ND 255	300	1.500	
3514	121	Trần Xuân Rũ	01/01/1932			Áp Thái An	Khoản 5 điều 5 ND 256	300	1.500	
3515	122	Trần Thị Mạ		10/12/1921		Áp 3	Khoản 5 điều 5 ND 257	300	1.500	
3516	123	Trương Văn Á	01/01/1932		270362124	Áp 1	Khoản 5 điều 5 ND 258	300	1.500	
3517	124	Võ Hỷ	01/01/1936		272938704	Áp 3	Khoản 5 điều 5 ND 259	300	1.500	
3518	125	Võ Thị Kim		01/01/1929		Áp 2	Khoản 5 điều 5 ND 260	300	1.500	
3519	126	Võ Thị Lùng		01/01/1940		Áp 3	Khoản 5 điều 5 ND 261	300	500	Chết T4/2020
3520	127	Võ Thị Mết		01/01/1936		Áp Bình Chánh	Khoản 5 điều 5 ND 261	300	1.500	
3521	128	Đoàn Thanh Huy	07/12/2006			Áp 1	Khoản 6 điều 5 ND 261	750	1.500	
3522	129	Trần Đồng Quốc Lâm	21/01/2009			Áp Cây Xoài	Khoản 6 điều 5 ND 262	750	1.500	
3523	130	Hoàng Thị Hoan		15/11/1997		Áp Cây Xoài	Khoản 6 điều 5 ND 263	600	1.500	
3524	131	Hoàng Thị Liên		20/10/1992	272164670	Áp Cây Xoài	Khoản 6 điều 5 ND 264	600	1.500	
3525	132	Huỳnh Hoa Mai		08/12/1999		Áp Bình Chánh	Khoản 6 điều 5 ND 265	600	1.500	
3526	133	Nguyễn Kim Thanh		01/01/1964	274375344	Áp Bình Chánh	Khoản 6 điều 5 ND 266	600	1.500	
3527	134	Nguyễn Minh Tâm	27/07/1995		272441124	Áp 2	Khoản 6 điều 5 ND 267	600	1.500	
3528	135	Nguyễn Quang Quốc	17/04/1978		271377184	Áp Bình Chánh	Khoản 6 điều 5 ND 268	600	1.500	
3529	136	Nguyễn Thành Phát	01/01/1995			Áp Cây Xoài	Khoản 6 điều 5 ND 269	600	1.500	
3530	137	Nguyễn Thanh Sự	01/01/1983			Áp Thái An	Khoản 6 điều 5 ND 270	600	1.500	
3531	138	Nguyễn Thị Hồng Linh		11/09/1989		Áp Bình Trung	Khoản 6 điều 5 ND 271	600	1.500	
3532	139	Nguyễn Thị Kim Ngọc		01/01/1991		Áp Bình Chánh	Khoản 6 điều 5 ND 272	600	1.500	
3533	140	Nguyễn Văn Trọng	22/12/1988			Áp Cây Xoài	Khoản 6 điều 5 ND 273	600	1.500	

3534	141	Thạch Huệ		01/01/1964		Ấp Bình Trung	Khoản 6 điều 5 ND 274	600	1.500	
3535	142	Trần Đức Tín	01/01/1969			Ấp Bình Chánh	Khoản 6 điều 5 ND 275	600	1.500	
3536	143	Trần Ngọc Hoan		01/01/1989		Ấp Thái An	Khoản 6 điều 5 ND 276	600	1.500	
3537	144	Võ Hồng Công	18/04/2000			Ấp Cây Xoài	Khoản 6 điều 5 ND 277	600	1.500	
3538	145	Võ Lê Anh Cường	01/01/1980			Ấp Bình Chánh	Khoản 6 điều 5 ND 278	600	1.500	
3539	146	Võ Thiên Trung	14/04/1994			Ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 279	600	1.500	
3540	147	Đặng Thị Mến		01/01/1941		Ấp Thái An	Khoản 6 điều 5 ND 280	750	1.500	
3541	148	Đinh Thị Muôn		01/01/1953	272515857	Ấp Cây Xoài	Khoản 6 điều 5 ND 281	750	1.500	
3542	149	Hà Thị Cúc		25/11/1956	270375175	Ấp Thái An	Khoản 6 điều 5 ND 282	750	1.500	
3543	150	Hà Thị Khuyh		01/01/1933	270375100	Ấp Thái An	Khoản 6 điều 5 ND 283	750	1.500	
3544	151	Hà Thị Xiết		01/01/1934	270375234	Ấp Thái An	Khoản 6 điều 5 ND 284	750	1.500	
3545	152	Lê Thị Kinh		01/01/1939		Ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 285	750	1.500	
3546	153	Mai Thị Dịu		03/04/1933		Ấp Cây Xoài	Khoản 6 điều 5 ND 286	750	1.000	Chết T5/2020
3547	154	Nguyễn Anh Tuấn	01/01/1957			Ấp 1	Khoản 6 điều 5 ND 287	750	1.500	
3548	155	Nguyễn Đức Minh	01/01/1958			Ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 288	750	1.500	
3549	156	Nguyễn Thị Yến		15/04/1945	200235022	Ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 289	750	1.500	
3550	157	Phạm Văn Tạc	28/10/1956		270106865	Ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 290	750	1.500	
3551	158	Phan Thị Cung		01/01/1951		Ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 291	750	1.500	
3552	159	Phan Thị Tở		18/05/1955		Ấp 2	Khoản 6 điều 5 ND 292	750	1.500	
3553	160	Trần Minh Châu	01/01/1949			Ấp Bình Trung	Khoản 6 điều 5 ND 293	750	1.500	
3554	161	Trương Thị Hà		01/01/1929		Ấp 2	Khoản 6 điều 5 ND 294	750	1.500	
3555	162	Trương Thị Rý		01/01/1942		Ấp 2	Khoản 6 điều 5 ND 295	750	1.500	
3556	163	Võ Đồng	01/01/1954		270362711	Ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 296	750	1.500	
3557	164	Võ Hoàng Ngọc		01/01/1958	271907084	Ấp Cây Xoài	Khoản 6 điều 5 ND 297	750	1.000	Chết T5/2020
3558	165	Vũ Thị Huệ		01/01/1929	270374046	Ấp Thái An	Khoản 6 điều 5 ND 298	750	1.500	
3559	166	Nguyễn Ngọc Diễm Lộc		12/12/2012		Ấp Bình Chánh	Khoản 6 điều 5 ND 299	600	1.500	
3560	167	Bùi Thị Thanh Nguyên		27/10/1994		Ấp Bình Chánh	Khoản 6 điều 5 ND 300	450	1.500	

3561	168	Dặng Thị Bích Tuyền		03/09/1991		Áp 2	Khoản 6 điều 5 NĐ 301	450	1.500	
3562	169	Hà Thị Kim Anh		01/01/1982		Áp Thái An	Khoản 6 điều 5 NĐ 302	450	1.500	
3563	170	Hà Thị Thủy		01/01/1971		Áp Thái An	Khoản 6 điều 5 NĐ 303	450	1.500	
3564	171	Hồ Thị Thủy		19/07/1984		Áp Cây Xoài	Khoản 6 điều 5 NĐ 304	450	1.500	
3565	172	Hoàng Phạm Trúc Quyên		02/03/1988		Áp Cây Xoài	Khoản 6 điều 5 NĐ 305	450	1.500	
3566	173	Lại Thanh Vũ	10/03/1969			Áp Bình Chánh	Khoản 6 điều 5 NĐ 306	450	1.500	
3567	174	Nguyễn Hoàng Tân	29/04/1960		270362152	Áp 2	Khoản 6 điều 5 NĐ 307	450	1.500	
3568	175	Nguyễn Minh Em	29/04/1982		271570748	Áp 3	Khoản 6 điều 5 NĐ 308	450	1.500	
3569	176	Nguyễn Ngọc Hiền		01/01/1979		Áp 3	Khoản 6 điều 5 NĐ 309	450	600	Đã nhận 900.000đ vé số
3570	177	Nguyễn Ngọc Phúc		01/01/1995		Áp Cây Xoài	Khoản 6 điều 5 NĐ 310	450	1.500	
3571	178	Nguyễn Ngọc Rạng		02/02/1990		Áp 3	Khoản 6 điều 5 NĐ 311	450	1.500	
3572	179	Nguyễn Thành Được	01/01/1984			Áp 2	Khoản 6 điều 5 NĐ 312	450	1.500	
3573	180	Nguyễn Thị Bích Liễu		02/08/2000		Áp Thái An	Khoản 6 điều 5 NĐ 313	450	1.500	
3574	181	Nguyễn Thị Kim Loan		01/01/1977		Áp Cây Xoài	Khoản 6 điều 5 NĐ 314	450	1.500	
3575	182	Nguyễn Thị Kim Phượng		01/01/1965		Áp 3	Khoản 6 điều 5 NĐ 315	450	1.500	
3576	183	Nguyễn Thị Thu Hồng		01/01/1985		Áp Bình Trung	Khoản 6 điều 5 NĐ 316	450	1.500	
3577	184	Nguyễn Thanh Xuân		01/01/1967		Áp Bình Chánh	Khoản 6 điều 5 NĐ 317	450	1.500	
3578	185	Nguyễn Thị Xuân Hiệp		11/10/1993	272449741	Áp Bình Chánh	Khoản 6 điều 5 NĐ 318	450	1.500	
3579	186	Nguyễn Văn Hưởng	10/03/1993			Áp Cây Xoài	Khoản 6 điều 5 NĐ 319	450	1.500	
3580	187	Ôn Thị Ngọc Tuyết		10/12/1997		Áp 1	Khoản 6 điều 5 NĐ 320	450	1.500	
3581	188	Phạm Thị Huệ		25/06/1978	272955198	Áp 3	Khoản 6 điều 5 NĐ 321	450	1.500	
3582	189	Trần Văn Thiệt	01/01/1980			Áp 1	Khoản 6 điều 5 NĐ 322	450	1.500	
3583	190	Trung Minh Thế	01/01/1981			Áp 2	Khoản 6 điều 5 NĐ 323	450	1.500	
3584	191	Trương Văn Thảo	01/01/1978			Áp 2	Khoản 6 điều 5 NĐ 324	450	1.500	
3585	192	Huỳnh Văn Tư	22/10/1947			Áp 3	Khoản 6 điều 5 NĐ 325	600	1.500	
3586	193	Lê Văn Hờ	01/01/1951		270362328	Áp Cây Xoài	Khoản 6 điều 5 NĐ 326	600	1.500	
3587	194	Nguyễn Thị Phấn		01/01/1945	270362670	Áp 3	Khoản 6 điều 5 NĐ 327	600	1.500	

3588	195	Nguyễn Thị Rua		1/1/1938	270375361	Ấp Bình Chánh	Khoản 6 điều 5 ND 328	600	1.500	
3589	196	Nguyễn Thị Sáu		1/1/1936	271904363	Ấp 2	Khoản 6 điều 5 ND 329	600	1.500	
3590	197	Nguyễn Thị Thanh		1/1/1949	270375345	Ấp Thái An	Khoản 6 điều 5 ND 330	600	1.500	
3591	198	Nguyễn Văn Nhàn	1/1/1942			Ấp Bình Chánh	Khoản 6 điều 5 ND 331	600	1.500	
3592	199	Phạm Văn Cầu	1/1/1952			Ấp 2	Khoản 6 điều 5 ND 332	600	1.500	
3593	200	Trần Phước Thành	9/23/1958		270381499	Ấp 1	Khoản 6 điều 5 ND 333	600	1.500	
3594	201	Trần Thị Bé		1/1/1926		Ấp 2	Khoản 6 điều 5 ND 334	600	1.500	
3595	202	Trần Thị Cà		1/1/1948	150187971	Ấp Bình Chánh	Khoản 6 điều 5 ND 335	600	1.500	
3596	203	Trương Anh Kiệt	5/2/1955			Ấp 1	Khoản 6 điều 5 ND 336	600	1.500	
	Tổng									5.339.900.000

Số đối tượng:

3.596 đối tượng

Số tiền:

5.339.900.000 đồng

Bảng chữ:

Năm tỷ, ba trăm ba mươi chín triệu, chín trăm ngàn đồng



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hòa Hiệp